

Bảng dữ liệu sản phẩm

1110-YOYO Series — BÁNH XE YOYO (Bánh xe đôi càng nhựa)

Bánh xe Yoyo (đen đậm xám) Đường kính bánh xe × Chiều rộng bánh xe 72.8 x 20mm

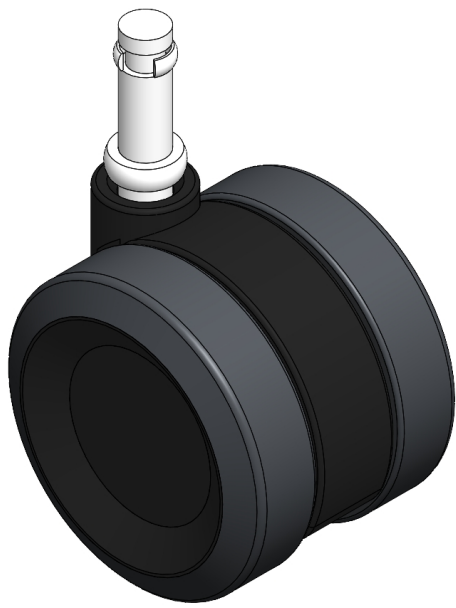
EAN

YJ-11100300247033

Bánh xe xoay, khung đúc phun có đỉnh tán - Ø11 x 31,8L  
Khung gia cố bằng polypropylen, cơ cấu lắp đặt dạng chèn  
Lõi polypropylen (PP), mặt bánh xe bằng polyvinyl clorua (PVC)  
Bánh xe màu xám đậm, ống giữa.

Bề mặt bánh xe: PVC polyvinyl clorua  
Lõi bánh xe: PP polypropylene

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

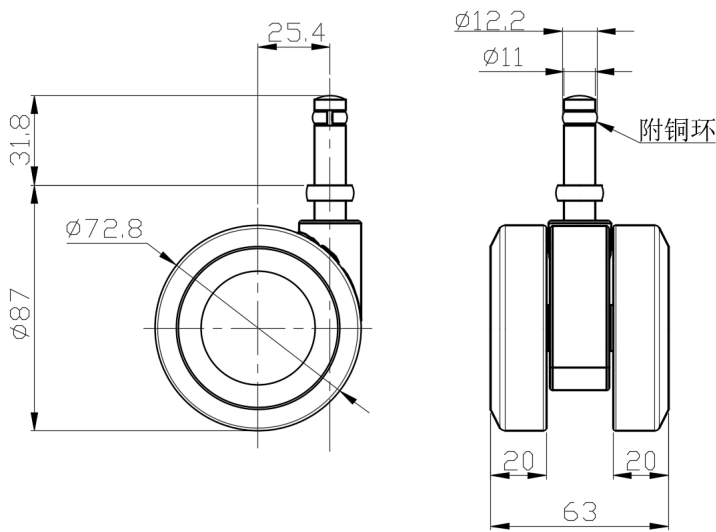
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 72.8mm                      |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 63mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe đi kèm với ống giữa |
| đường kính cọc                                                            | 11mm                        |
| chiều dài cọc                                                             | 31.8mm                      |
| Độ lệch tâm                                                               | 25.4mm                      |
| Sự can thiệp quay                                                         | 136mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 87mm                        |
| Bán kính xoay                                                             | 68mm                        |
| Độ cứng                                                                   | 95±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 45kgs                       |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 67.5kgs                     |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Xoay                        |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 0.24kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

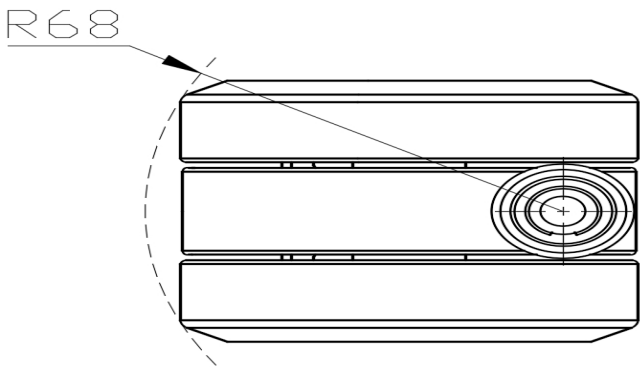
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | • • • • • |
| Chế độ im lặng       | • • • • • |
| Bảo vệ mặt sàn       | • • • • • |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



Bản vẽ 2D kích thước trục tròn



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét